TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bán án số: 163/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 tháng 7 năm 2021.
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà: Võ Chi Lan.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thu Hảo.
2. Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Đức Nh**, sinh năm 1986. Vắng mặt.
Địa chỉ cư trú: MNT/BT/NT khu phố B, phường QV, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Lê Ngọc T**, sinh năm 1986. Vắng mặt.
Địa chỉ cư trú: Ấp GC, xã LH, thị xã GC, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại bản tự khai anh Lê Đức Nh là nguyên đơn trình bày:*

Anh và chị T cưới nhau từ năm 2015, được Ủy ban nhân dân phường QV, thành phố BH, tỉnh ĐN cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình khác nhau, anh chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên **Lê Hoàng Ph**, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2015 và **Lê Hoàng H**, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2019. Khi ly hôn, anh để con cho chị T trực tiếp nuôi anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi người con là 6.000.000 đồng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không tranh chấp. Về nợ chung: Không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 26, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 96, 97, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án và đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của **anh Nh** được ly hôn với chị T; về con chung thì giao 02 người con chung cho chị T trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện của anh Nh cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi người con chung 6.000.000 đồng; về án phí áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH thì anh Nh chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nh ly hôn với chị T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T đã được Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hòa giải 02 lần; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2.] Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Nh với chị T là tự nguyện được Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015 là hợp pháp. Thời gian chung sống anh Nh cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp tính; chị T được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án để có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Nh nhưng chị T không phản đối nên yêu cầu của anh Nh là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Cháu Phát và cháu Huy hiện nay do chị T trực tiếp nuôi ổn định nên việc giao con cho chị T là phù hợp với điều kiện sinh sống của chị

T tại địa phương và đảm bảo cho cuộc sống của các cháu. Anh Nh tự nguyện cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nh chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đức Nh:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức Nh được ly hôn với chị Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2015 và Lê Hoàng H, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2019 cho chị Lê Ngọc T trực tiếp nuôi.

Anh Lê Đức Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Ph mỗi tháng 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) và cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng H mỗi tháng 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Lê Đức Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì anh Lê Đức Nh và chị Lê Ngọc T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Anh Lê Đức Nh chịu 600.000 đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh Lê Đức Nh đã tạm ứng án phí tại biên lai số 0019325 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Lê Đức Nh phải nộp tiếp số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

Nơi nhận:
- VKSND TXGC;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND phường QV, Biên Hòa, Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

VÕ CHI LAN